

**MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ Ý THỨC TRÁCH NHIỆM HỌC TẬP
 CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM**
**ASSESSMENT MODEL OF LEARNING RESPONSIBILITY
 CONSCIOUSNESS OF STUDENT AT HCNC UNIVERSITY OF
 TECHNOLOGY AND EDUCATION**

Đỗ Thị Mỹ Trang

Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật TP. HCM

Ngày tòa soạn nhận bài 11/3/2015, ngày phân biện đánh giá 24/6/2015, ngày chấp nhận đăng 10/8/2015

TÓM TẮT

Giáo dục về các giá trị và kỹ năng sống là nhiệm vụ quan trọng mà các nhà giáo dục phải đảm đương. Trong đó, giá trị Trách nhiệm là nền tảng, cốt lõi cho mọi công việc mà sinh viên phải đạt được. Sinh viên phải có trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với công việc, trách nhiệm với xã hội,... Trách nhiệm còn được xem là điều kiện, là sự ràng buộc để giúp họ thành công. Để đạt được điều này thì trước tiên sinh viên phải được dạy để có trách nhiệm trong học tập.

Mọi việc được bắt đầu từ nhận thức. Vì vậy, để giảng dạy sinh viên có trách nhiệm trong học tập thì giảng viên cần phải xác định sinh viên hiểu biết và thực hiện như thế nào về nhiệm vụ học tập. Bài viết này dựa trên một số lý thuyết mô hình đánh giá về nhận thức để tìm ra mô hình đánh giá ý thức trách nhiệm học tập của sinh viên.

Từ khóa: *Ý thức, Ý thức trách nhiệm, Trách nhiệm học tập*

ABSTRACT

Education of values and skills of living for students are the most important tasks of lecturers. Most importantly, value of responsibility is crucial for all work that student has to obtain. Students must have responsibility for themselves, for works and society. Responsibility is also considered to be condition and constraint for their success. In order to achieve this, students should be taught of responsibility in learning.

Things are begun from awareness. Thus, to teach students to form responsibility in learning, lectures need to identify how students realize and practice their task of learning. The purpose of this paper is to introduce an assessment model of learning responsibility consciousness of students in accordance with some theories of awareness assessment model.

Keywords: *Awareness, Responsibility Consciousness, Learning Responsibility*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, giáo dục không chỉ dạy con người về vấn đề tri thức mà còn dạy về việc sử dụng công nghệ, về khả năng thích ứng với sự thay đổi, hay chính là các kỹ năng sống. Bốn mục tiêu giáo dục của UNESCO khuyến nghị năm 1996, đó là: “Học để biết, Học để

làm việc, Học để chung sống cùng nhau và Học để làm người” [7]. Giáo dục con người có kiến thức, kỹ năng, thái độ tích cực, chủ động sáng tạo và ứng xử phù hợp trong các mối tương tác xã hội. Trong đó, ba trong bốn mục tiêu giáo dục là mục tiêu về kỹ năng sống để giúp con người có khả năng thích nghi, đáp ứng với sự thay đổi mang tính tất yếu của xã

hội. Ngoài ra, UNESCO cũng đưa ra 12 giá trị sống cơ bản: Hòa bình, Tôn trọng, Khoan dung, Trung thực, Khiêm tốn, Hợp tác, Hạnh phúc, Yêu thương, Trách nhiệm, Giản dị, Tự do, Đoàn kết, mà con người cần phải được dạy, bởi vì các giá trị sống là nền tảng cốt lõi để hình thành kỹ năng sống. [4, tr30].

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế về văn hóa – kinh tế, mọi người, đặc biệt là giới trẻ chịu sự tác động của nhiều yếu tố mang tính tích cực và tiêu cực, luôn đặt mình vào hoàn cảnh phải lựa chọn giá trị sống cho bản thân. Vì vậy, cập nhật và hoàn thiện các giá trị là sự đòi hỏi trong cuộc sống hiện đại của con người. Mặt khác, giới trẻ là những người có trách nhiệm tạo ra và quyết định thế giới thì mỗi cá nhân cần phải được giáo dục để nhận thức đâu là giá trị đúng, là điều thật sự cần thiết cho sự phát triển bền vững. Trách nhiệm là một trong những giá trị sống quan trọng, cốt lõi. Vì, muốn có hòa bình con người phải sống có trách nhiệm tạo ra sự bình yên, trách nhiệm chăm sóc bảo vệ thiên nhiên. Muốn có hạnh phúc mỗi cá nhân phải có trách nhiệm với bản thân, với các mối quan hệ, và với cộng đồng. Muốn có sự khoan dung, con người phải có trách nhiệm hiểu mình, hiểu người khác trong từng hoàn cảnh cụ thể, v.v... Do đó, trách nhiệm không chỉ có nghĩa là sự ràng buộc, mà còn là những gì cho phép con người đạt được điều mình muốn.

Giáo dục giá trị và kỹ năng sống trong quá trình giáo dục toàn diện đang được các chương trình dạy học quan tâm rất nhiều. Theo công văn số: 463/BGDĐT- GDTX V/v hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở Giáo dục Mầm non (GDMN), Giáo dục Phổ thông (GDPT) và Giáo dục Thường xuyên (GDTX) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cho thấy rằng điều này đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong giáo dục, không chỉ dừng lại ở phân tri thức mà còn phải rèn luyện cho người

học kỹ năng sống. Ngoài ra, ở các trường đại học, sinh viên cũng đã được rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động xã hội, các bài học tích hợp về giá trị và kỹ năng mềm. Trong đó, trách nhiệm nghề nghiệp là giá trị không thể thiếu đối với người kỹ sư tương lai, vì nó chính là sự ràng buộc, là những gì để giúp họ thành công. Do đó, chương trình hiện nay đòi hỏi SV đạt được mục tiêu trách nhiệm nghề nghiệp thì trước tiên phải có trách nhiệm với việc học tập. Để đạt được điều này, sinh viên (SV) sẽ được rèn luyện thông qua các hoạt động học tập.

Mọi việc đều được bắt đầu từ sự nhận thức. Ý thức trách nhiệm là giá trị xuất hiện bên trong chủ thể, còn hành động là cái thể hiện bên ngoài. Ý thức của con người luôn gắn liền với hoạt động, thông qua hoạt động để đánh giá về cái bên trong (ý thức). Vậy, làm sao để đánh giá được ý thức trách nhiệm? Nhận thức đúng có dẫn đến hành động đúng hay không? Mục tiêu của bài viết này tìm ra mô hình đánh giá phù hợp về ý thức trách nhiệm trong học tập của sinh viên hiện nay, để có thể tiến hành đánh giá.

2. CƠ SỞ LUẬN VĂN ĐỀ NGHIÊN CỨU

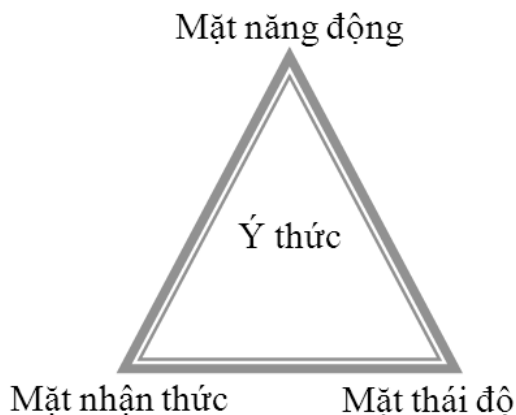
2.1 Ý thức trách nhiệm học tập

Ý thức được xem là khả năng phản ánh và tái hiện thực vào trong tư duy, là cái con người nhận thức được về sự vật, hiện tượng. Nhận thức được đánh giá tương ứng với hành vi ứng xử của con người đối với sự vật, hiện tượng. Đó là quá trình được bắt đầu từ sự hiểu biết (tri thức) để nhận dạng đối tượng, đến sự xem xét, đánh giá, lựa chọn ứng xử biểu hiện qua hành vi.

Theo tác giả Lư Hồng Khanh, ông xem ý thức là một trạng thái tinh thức. Đó là trạng thái mà con người nhận thức sự vật một cách tinh táo, không lẫn lộn, với bốn chức năng: cảm nhận, suy tư, đánh giá, và trực kiến [3,

tr24]. Với những chức năng của ý thức giúp con người đối diện, định hướng trước thiên nhiên và trong xã hội. Chức năng cảm nhận giúp con người nhận biết được sự vật, nhằm trả lời câu hỏi “có gì”? Có nghĩa là, đó chính là vấn đề tri thức của con người về sự vật hiện tượng. Chức năng suy tư là tác động tìm hiểu sự vật bằng cách vận dụng chúng, đưa tri thức về sự vật, về các hoạt động để nhận định, phân tích, xem xét lại để rồi thích nghi với sự vật. Chức năng đánh giá với câu hỏi “như thế nào đối với tôi?”, xem xét sự vật trong tương quan với bản thân, thông qua những biểu hiện như thích thú, vui vẻ hoặc chán ngán, để đưa đến sự quyết định đón nhận hay từ chối, tiếp tục hay từ bỏ, v.v... Chức năng trực kiến là khả năng quan sát, cảm nhận và thấu hiểu của cá nhân đối với sự vật, con người, để có thể kết luận về sự vật đối tượng đó, nhìn ra được ý nghĩa bên trong của sự vật. Bốn chức năng của ý thức còn được xem như một tiến trình xử lý của nhận thức. Bắt đầu từ việc tiếp nhận, hiểu biết về đối tượng, đến vận dụng, xem xét đánh giá sự tương thích của cá nhân và cuối cùng là sự kết luận lại về sự vật.

Theo tâm lý học hoạt động, ý thức có cấu trúc sau: [2, tr40]



Hình 1: Cấu trúc của ý thức

Về cơ bản, ý thức có 3 mặt thống nhất với nhau: mặt nhận thức của ý thức, mặt thái độ của ý thức và mặt năng động của ý thức.

- Mặt nhận thức của ý thức: giúp con

người hiểu biết bản chất, khái quát về sự vật, hiện tượng. Đây là thành phần quan trọng, cốt lõi của ý thức, giúp con người có thể giải thích, phán đoán kết quả, lựa chọn hoặc hoạch định kế hoạch cho hành vi.

- Mặt thái độ của ý thức: thể hiện thái độ lựa chọn, cảm xúc của chủ thể đối với đối tượng, sự vật.
- Mặt năng động của ý thức: điều khiển, điều chỉnh hoạt động của con người, làm cho hoạt động của con người có ý thức. Đó là quá trình con người vận dụng tri thức vào việc thích nghi, cải tạo thế giới, hoàn thiện bản thân.

Vậy, con người được xem là có ý thức thì phải đạt được bao gồm cả ba mặt trên: nhận thức đúng, hành động đúng, thái độ tích cực và có khả năng tự điều chỉnh hành động của mình.

Trách nhiệm là điều phải làm, phải gánh vác. Trách nhiệm được xem là giá trị đo lường sự trưởng thành của con người, tính trách nhiệm được hình thành theo mức độ nhận thức. Trách nhiệm có thể phân loại thành: (1). Trách nhiệm chủ động – con người tự giác nhận ra được trách nhiệm từ chỗ tự ý thức được trách nhiệm của chính mình; (2). Trách nhiệm thụ động – con người có trách nhiệm nhờ tác nhân bên ngoài, hay đây chính là trách nhiệm được giao phó [6]. Dựa vào các mối tương quan cộng đồng, cùng với khả năng của bản thân, con người đảm đương được trách nhiệm. Điều này có thể cho thấy rằng, động lực làm việc của một người sẽ càng cao khi họ vừa có trách nhiệm chủ động và vừa có trách nhiệm thụ động. Cho nên, người có ý thức trách nhiệm phải tự nhận thức được công việc, nhiệm vụ, chức năng của mình và hoàn thành tốt công việc, nhiệm vụ, chức năng đó một cách tích cực trong các mối tương quan cộng đồng, xã hội.

Hoạt động học tập của sinh viên nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng – kỹ xảo, và thái độ nghề nghiệp để tham gia vào lao động sản xuất đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Đặc điểm của hoạt động học tập là hoạt động lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo và bao gồm cả phương pháp học tập. Và là hoạt động có mục đích, có kế hoạch, nội dung chương trình và phương pháp dạy học cụ thể. Trong đó, người học đóng vai trò chủ thể, thể hiện tính chủ động, tích cực, tự giác, tự lực, và sáng tạo trong việc tiếp nhận tri thức. Vì thế, ý thức trách nhiệm học tập của người học được thể hiện qua các yếu tố như: (1) Nhận thức được công việc học tập, với các biểu hiện: hiểu biết về mục đích học tập, mục tiêu cần đạt được, cũng như việc lựa chọn phương pháp học tập, và những vấn đề có liên quan đến học tập; (2) Thực hiện hoạt động học tập, với các biểu hiện: tương tác được với giáo viên, bạn bè, hoàn thành bài tập, xử lý thành công những vấn đề có liên quan học tập; (3) Thái độ làm việc tích cực, với các biểu hiện: chủ động trong công việc, đánh giá được kết quả công việc để tự điều chỉnh hành vi.

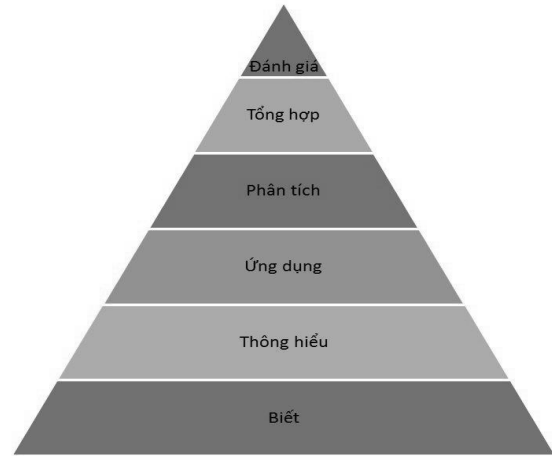
2.2 Các mô hình đánh giá

Trong lĩnh vực giáo dục để đánh giá về nhận thức và sự thay đổi năng lực nhận thức cá nhân, hai mô hình được sử dụng phổ biến hiện nay là: Thang mức độ nhận thức của Benjamin Bloom và CBAM (The Concerns Based Adoption Model).

Thang mức độ nhận thức của Benjamin Bloom [1]

Benjamin Bloom (1913 - 1999) là nhà tâm lý học người Mỹ nghiên cứu về lĩnh vực nhận thức gắn với giáo dục. Vào năm 1956, ông công bố trong quyển sách Thang phân loại tư duy, cho rằng: nhận thức gồm 6 mức độ và được sắp xếp theo thứ tự tăng dần từ đơn giản đến phức tạp, từ mức độ thấp nhất: biết - là khả năng người học nhớ lại sau khi đã tiếp nhận thông tin, như là: định nghĩa, gọi tên các thuật ngữ, nêu được các sự kiện, đặc điểm, thuộc tính của sự vật,... đến mức độ cao nhất

là đánh giá: là khả năng người học có thể nhận xét, lựa chọn, đánh giá vấn đề. Thang đo này được trình bày ở hình 2 bên dưới:



Hình 2: Thang mức độ nhận thức – Bloom (1956)

Nhận xét:

Bloom đã đưa ra các mức độ nhận thức từ thấp đến cao một cách rõ ràng, cụ thể, và vì thế mô hình này rất dễ sử dụng. Nó sử dụng phù hợp trong việc thiết kế chương trình học, mục tiêu học tập, kiểm tra đánh giá, cụ thể là trong việc phát triển các công cụ đánh giá qua đó đánh giá được hành vi cũng như khả năng của người học thông qua mức độ nhận thức của họ. Tuy được sử dụng rất phổ biến, nhưng giới hạn của mô hình này là:

- Chỉ đo lường năng lực tư duy về nhận thức, chưa đề cập đến năng lực thực hiện các kỹ năng;
- Mức độ tổng hợp và đánh giá khó có thể tách biệt, được thực hiện gần như song song nhau chứ khó xác định mang tính thứ bậc, trước sau;
- Trong bối cảnh xã hội ngày nay thì tính sáng tạo là khả năng không thể thiếu trong các thành phần của năng lực mà thang đo của Bloom chưa đề cập đến;
- Và, thang mức độ của Bloom chưa chỉ ra cách thức chuyển đổi từ mức thấp sang mức cao hơn như thế nào.

Mô hình CBAM (The Concerns Based Adoption Model) [5]

Mô hình CBAM được phát triển ở Đại học Texas – Austin, đây là mô hình thích ứng của sự nhận thức, là một khung nhận thức được diễn tả và hướng dẫn thay đổi năng lực của cá nhân. Mô hình này được nhiều người biết đến, nó mô tả sự thay đổi của mỗi cá nhân và những trạng thái của sự thay đổi. Tác giả của CBAM là: Shirly Hord, Gene Hall và các đồng nghiệp (1987), mô hình này được đề cập ở tài liệu “Taking Charge of Change”. Hai thành phần mà CBAM đề cập được lưu ý nhiều nhất đó là:

- Mức độ nhận thức: 7 trạng thái nhận thức trong quá trình thay đổi được biểu diễn ở bảng 1: mô tả và giải thích mức độ nhận thức ở trạng thái thấp nhất là bắt đầu quan tâm và đến mức độ cao nhất của quá trình thay đổi nhận thức là có thể làm cho sự việc tốt hơn.
- Mức độ sử dụng: 8 hành vi diễn tả hành động xảy ra trong sự thay đổi về mức độ sử dụng được biểu diễn ở bảng 2.

Bảng 1: Trình bày 7 trạng thái nhận thức của CBAM

Giai đoạn của nhận thức	Trạng thái tương ứng
6. Điều chỉnh/nhận xét (Refocusing)	Có ý tưởng để thực hiện sự việc tốt hơn
5. Hợp tác (Collaboration)	Quan tâm đến các thành phần có liên quan, tìm ra mối quan hệ của chúng
4. Có thể cho ra kết quả (Consequence)	Tập trung vào kết quả và sự tác động đến đối tượng
3. Có thể quản lý (Management)	Đã sẵn sàng dành hết thời gian cho việc chiếm lĩnh đối tượng
2. Xem xét (Personal)	Xem xét đối tượng được sử dụng như thế nào để đạt hiệu quả cho mình
1. Thu thập thông tin (Informational)	Muốn biết nhiều hơn về đối tượng
0. Quan tâm (Awareness)	Bắt đầu quan tâm về đối tượng

Bảng 2: Trình bày các mức độ sử dụng của CBAM

Mức độ sử dụng	Đặc điểm hành vi của mức độ
7. Sáng tạo (Renewal)	Người sử dụng tìm kiếm sự thay thế hiệu quả hơn để thiết lập việc sử dụng những cái mới hiệu quả hơn
6. Tích hợp (Integration)	Người sử dụng thận trọng kết nối/tích hợp với những cái khác để có kết quả tốt
5. Làm tốt hơn (Refinement)	Người sử dụng làm những thay đổi để có kết quả tốt hơn
4. Thực hiện (Routine)	Người sử dụng thay đổi một ít hoặc không thay đổi và có sự thiết lập phân sử dụng
3. Vận hành (Mechanical)	Người sử dụng làm những thay đổi để tổ chức sử dụng sự đổi mới một cách tốt hơn

2. Chuẩn bị sử dụng (Preparation)	Người sử dụng lập kế hoạch bắt đầu sử dụng những cái mới
1. Có xu hướng sử dụng (Orientation)	Người sử dụng khởi sự tìm hiểu hơn về điều mới
0. Không sử dụng (Non-Use)	Người sử dụng không quan tâm, không có hành động

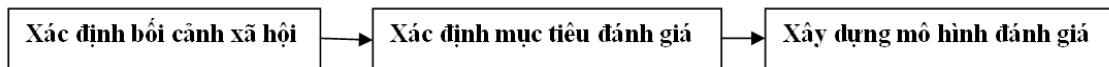
Nhận xét:

CBAM là một mô hình nghiên cứu rất phù hợp để mô tả về sự thay đổi của con người như thế nào khi họ học về một điều mới và những giai đoạn của tiến trình. Mô hình này đề cập sự thay đổi cả mặt nhận thức và kỹ

năng, và thực hiện cho quá trình. Tuy nhiên, CBAM là phức tạp, hệ thống mô tả gồm nhiều thành phần, và ở những sự thay đổi chưa chỉ ra được cách thức thực hiện cũng như đề cập đến phong cách học tập của sinh viên.

3. XÂY DỰNG MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ

3.1 Quy trình xây dựng mô hình



Hình 3: Quy trình xây dựng mô hình đánh giá

a. Xác định bối cảnh xã hội

- Hiện nay xã hội có nhiều thay đổi, sự đa dạng về văn hóa, hội nhập kinh tế, SV có nhiều cơ hội, cũng như thách thức và luôn đứng trước nhiều sự lựa chọn. Để có được bước tiến với sự phát triển bền vững thì SV phải nhận thức được đâu là giá trị đúng cho sự lựa chọn phù hợp. Để đạt được điều này, yêu cầu SV phải thông hiểu về vấn đề, về công việc mình đang làm. Do đó, kiến thức của SV không cho phép đạt mức độ biết mà thấp nhất phải là hiểu.
- Xu hướng tiếp cận giáo dục hiện nay theo năng lực thực hiện. Năng lực của SV được đánh giá qua kết quả của công việc, có sản phẩm tạo ra và phải giải thích được quy trình, mối quan hệ của các thành phần. Điều này có nghĩa là SV phải vận dụng được tri thức đã học.
- Với nền kinh tế tri thức, sự phát triển kinh tế dựa vào tri thức của con người, vào sự phát triển của khoa học kỹ thuật

thì tính sáng tạo luôn được xem trọng cho sự phát triển này. Vì vậy, SV phải được đào luyện để có khả năng sáng tạo đáp ứng được sự phát triển của xã hội.

b. Xác định mục tiêu đánh giá

Mục tiêu của mô hình là đánh giá ý thức trách nhiệm học tập của SV. Từ cơ sở tâm lý trên, đánh giá về ý thức trách nhiệm phải được xem xét ở ba khía cạnh:

- (1) Nhận thức được công việc học tập, SV phải trả lời được các câu hỏi như: tại sao phải học, học cái gì, học như thế nào, kết quả cần đạt được?
- (2) Thực hiện hoạt động học tập.
- (3) Thái độ học tập tích cực, SV phải có khả năng tự điều chỉnh hành vi của mình.

c. Xây dựng mô hình

Xây dựng lý thuyết nền tảng

Bài viết này dựa trên mức độ nhận thức của Bloom và mô hình CBAM làm nền tảng.

Sự tương thích của hai mô hình

Mô hình của BLOOM và CBAM có sự tương thích như sau:

Bảng 3: Trình bày Sự tương thích của 2 mô hình: BLOOM VÀ CBAM

Mức độ nhận thức Bloom	Mức nhận thức Cbam	Mức độ sử dụng Cbam	Diễn giải
6. Đánh giá	6. Điều chỉnh / nhận xét	7. Sáng tạo	Người học có khả năng nhận xét, đánh giá, và lựa chọn giải pháp tối ưu
5. Tổng hợp	5. Hợp tác	6. Tích hợp	Mức độ này người học có khả năng hợp tác, xác định mối liên quan của các thành phần
		5. Làm tốt hơn	
4. Phân tích	4. Có thể cho ra kết quả	4. Thực hiện	Người học có khả năng vận dụng, xử lý thông tin
3. Vận dụng		3. Vận hành	
2. Hiểu	3. Có thể quản lý	2. Chuẩn bị sử dụng	Người học có khả năng giải thích được vấn đề, trả lời câu hỏi: Tại sao?
	2. Xem xét		
1. Biết	1. Thu thập thông tin	1. Có xu hướng sử dụng	Ở mức độ này, người học chỉ mới nhận dạng được thông tin, chưa có khả năng vận dụng

Thang mức độ của Bloom chỉ ra các mức độ về mặt nhận thức (tri thức), CBAM chỉ ra các trạng thái thay đổi về nhận thức cũng như hành vi ở từng cấp độ cho hoạt động. Qua hai mô hình có thể nhận thấy rằng, có sự tương thích đó là quá trình xử lý - hình thành nhận thức của người học thông qua ba giai đoạn cơ bản là: nhận biết – xử lý – đánh giá; và 3 mức độ cơ bản của hoạt động là: không thực hiện, có thực hiện và điều chỉnh, thực hiện công việc tốt hơn. Thêm nữa, ở những mô hình này, có thể các tác giả đã có sự tìm hiểu hay ngẫu nhiên mà các mức độ nhận thức cũng phù hợp với các chức năng của ý thức: từ nhận biết (cảm nhận), vận dụng, phân tích (suy tư), tổng hợp, đánh giá (đánh giá, và trực kiến). Vì vậy, các mức độ nhận thức của ý thức cũng được xác định từ nhận biết – vận dụng, phân tích đến tổng hợp, đánh giá. Các mức độ này được đánh giá qua các mức độ hoạt động: không thực hiện – có thực hiện – điều chỉnh làm tốt hơn.

Nguyên tắc xây dựng mô hình

Từ những phân tích trên, mô hình được xây dựng theo nguyên tắc sau:

- Đánh giá ý thức bao gồm ba thành phần: sự hiểu biết, sự thực hiện và thái độ thực hiện tích cực.
- Ý thức là yếu tố bên trong được biểu hiện thông qua hoạt động cụ thể của con người, vì vậy để nói lên tính có ý thức học tập của SV được thể hiện qua trách nhiệm học tập chủ động. Có nghĩa là, SV phải tự nhận thức được công việc học tập của họ. Hơn nữa, hoạt động học tập của SV chịu sự tổ chức, điều kiện, điều chỉnh của giáo viên, cho nên trách nhiệm học tập của sinh viên cũng được thể hiện bao gồm cả trách nhiệm học tập thụ động trong đó. Cụ thể là, đánh giá ý thức trách nhiệm học tập của SV được xem xét ở ba yếu tố: (1). Nhận thức được công việc học tập (hiểu biết về việc học

- tập); (2). Thực hiện các hoạt động học tập;
 (3). Thái độ học tập tích cực.
- Ý thức luôn gắn liền với hoạt động, và thông qua hoạt động để đánh giá ý thức. Vì vậy, thông qua mức độ thực hiện hoạt động học tập (mức độ vận dụng) của SV để đánh giá về sự hiểu biết.
 - Để thực hiện tốt công việc, yêu cầu người

- học phải thông hiểu về công việc. Do đó, để hình thành ý thức tốt thì mức độ thấp nhất về mặt nhận thức là mức hiểu.
- Tính sáng tạo trong ý thức của SV được thể hiện ở mức độ có thể điều chỉnh để làm tốt công việc hơn.
- Kết quả xây dựng mô hình đánh giá ý thức trách nhiệm học tập của SV như bảng 4 sau:

Bảng 4: Mô hình đánh giá ý thức trách nhiệm học tập của SV

Mức độ hoạt động	Mức độ nhận thức	Diễn giải
3.Đánh giá, điều chỉnh hoạt động học tập tốt hơn	3. Đánh giá	Người học hiểu, có khả năng điều chỉnh thực hiện nhiệm vụ tốt hơn. Tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng sáng tạo. Với các biểu hiện như: chủ động, tích cực trong công việc, tự đánh giá điều chỉnh hành vi
2.Thực hiện các hoạt động học tập	2. Vận dụng	Người học hiểu về những nhiệm vụ của mình trong học tập và thực hiện được các nhiệm vụ đấy.Với các biểu hiện như: tương tác được với giáo viên, bạn bè, hoàn thành bài tập, xử lý thành công những vấn đề có liên quan học tập.
1.Không thực hiện hoạt động học tập	1.Hiểu biết	Người học không hiểu về trách nhiệm học tập của mình, hoặc có hiểu biết nhưng động cơ chưa đủ lớn để biến nó thành hành động, và sự hiểu biết này cũng chỉ ở mức thấp

3.2 Sử dụng mô hình

Từ các mức độ hoạt động học tập của SV, chúng ta có thể kết luận về sự hiểu biết tương ứng. Thông thường có hai xu hướng: (1). SV hiểu đúng và hành động đúng với trách nhiệm học tập, ở đây có mối tương quan thuận; (2). SV hiểu đúng nhưng không hành động đúng với sự hiểu biết của họ. SV có hiểu biết nhưng có thể do hoàn cảnh tác động chưa đủ lớn để tạo thành động cơ bên trong để tạo ra hoạt động. Điều này cũng có nghĩa là sự hiểu biết của SV cũng chỉ ở mức thấp.

4. KẾT LUẬN

Dựa vào lý thuyết tâm lý và các mô hình mức độ nhận thức làm nền tảng, nghiên cứu đã tìm ra được mô hình đánh giá ý thức trách nhiệm học tập của SV. Mô hình này là cơ sở lý thuyết nghiên cứu bước tiếp theo là xây dựng công cụ đo về ý thức trách nhiệm của người học theo các mức độ đã được xác định. Mô hình chỉ đưa ra ba mức độ về mặt nhận thức tương ứng với các mức độ hoạt động, bởi vì ý thức trách nhiệm thuộc về phạm trù bên trong, yếu tố tinh thần của sinh viên. Vì vậy, mức độ đánh giá còn được hiểu bao gồm phân tích, tổng hợp trong đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bloom, B.S. (Ed.), Engelhart, M.D., Furst, E.J., Hill, W.H., & Krathwohl, D.R. (1956). *Taxonomy of educational objectives: Handbook I: Cognitive domain*. New York: David McKay.

[2] *Tâm lý học Đại cương* (2001), Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Giáo dục học, Trường ĐH Xã hội và Nhân văn. Tp.HCM.

- [3] Lư Hồng Khanh (2006), *Tâm Lý Học Chuyên sâu – Ý Thức và Những Tầng Sâu Vô Thức*, NXB Trẻ.
- [4] *Living values: An Educational Program, Inc. International Coordinating Office* 866 UN Plaza, Suite 436 New York, NY 10017.
- [5] *Professional Development for Science Education: A Critical and Immediate Challenge,*” by Susan Loucks-Horsley. National Standards & the Science Curriculum, edited by Rodger Bybee of the Biological Sciences Curriculum Study. Dubuque, Iowa: Kendall/Hunt Publishing Co., 1996.
- [6] <http://prosales.vn/y-thuc-trach-nhiem.html>
- [7] <http://www.unesco.org/new/en/education/networks/global-networks/aspnet/about-us/strategy/the-four-pillars-of-learning/>